

Bản án số: 265/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 31-8-2024  
“*V/v Ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Chí Lin;
2. Bà Trần Thị Đồi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Trà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 848/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà D có đơn đề nghị vắng mặt, ông G vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2024, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày: Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Hoàng G có tình cảm và sau đó đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 22/01/2014. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Nhưng sau đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cự cãi nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khó mong hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà D khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Bà Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng G.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 03/8/2014 và Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 24/02/2016. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu S. Không yêu cầu ông G cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Ông Nguyễn Hoàng G vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho Ông Nguyễn Hoàng G theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông G biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với bà D nhưng ông G không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Ông Nguyễn Hoàng G vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của bà D và xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị Thùy D bận đi làm xa nên có đơn đề nghị xử vắng mặt. Tòa án quyết định xử vắng mặt nguyên đơn quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1]. Về tố tụng:**

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng G, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nơi bị đơn cư trú thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thùy D bận việc nên có đơn đề nghị xử vắng mặt; Ông Nguyễn Hoàng G vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo qui định khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **[2]. Về nội dung vụ án:**

[2.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị Thùy D, Ông Nguyễn Hoàng G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 22/01/2014 nên hôn nhân giữa bà D với ông G là hợp pháp theo qui định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thị Thùy D đối với ông Nguyễn Hoàng G: bà D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là bất đồng quan điểm sống, tình cảm rạn nứt, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay bà D thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên xin ly hôn. Tòa án đã tiến hành tổng đạt mời ông Nguyễn Hoàng G, ông G biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn

với bà D nhưng ông G không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải cho thấy ông G không có thiện chí hàn gắn. Từ đó, Hội đồng xét xử xét hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thùy D với ông Nguyễn Hoàng G đã mâu thuẫn trầm trọng nên bà D yêu cầu xin ly hôn với ông G là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: bà D trình bày giữa bà D với ông G có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 03/8/2014 và Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 24/02/2016. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu S.

Xét thấy cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 03/8/2014 và Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 24/02/2016 đang chung sống ổn định với bà D. Do đó, Hội đồng xét xử thấy bà D yêu cầu trực tiếp nuôi cháu N và cháu S là phù hợp quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung: bà D xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên HĐXX không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: bà D xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Ông Nguyễn Hoàng G vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tình cảm, con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa bà D và ông G có phát sinh tranh chấp về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện để giải quyết trong một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu án phí ly hôn sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị Thùy D đối với ông Nguyễn Hoàng G.

Bà Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng G.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 03/8/2014 và Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 24/02/2016.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà D xác định không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Bà D xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Bà D xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai số 0005014 ngày 03/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang án phí để thi hành. Bà Nguyễn Thị Thùy D đã nộp xong.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Khắc Linh Duy**